TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 276/2024/QĐST-VDS	*P, ngày 09 tháng 12 năm 2024*

.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 300/2024/TLST-VDS ngày ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc *"Thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 199*

Trú tại: Khu phố 5, phường L, thành phố P, tỉnh B

- Ông Lê Minh H, sinh năm 198*

Trú tại: Chung cư H, đường 2, phường V, thành phố N.

NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 2018 thì kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, cấp ngày 18/4/2018.

Chung sống với nhau được một thời gian, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, mỗi người có quan điểm riêng, không có tiếng nói chung.

Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh T, sinh ngày 11/11/201*.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H thống nhất ông Lê Minh H đồng ý giao 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh T cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh H cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Ngày 27/11/2024, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002406 tại Chi cục thi hành án thành phố P nay chuyển sang thành lệ phí và sung vào ngân sách nhà nước. Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Minh H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn.

THẨM PHÁN

Hà Thị Ái Q